

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311101 - K t ấ n th c ấ ng H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011911	36CKT1	Tr n V ấ Gia B o	18/08/1994				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
2	3673010308	36CKT1	Di p T B i	21/10/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
3	3673011554	36CKT1	ấ ng Quang C ng	15/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
4	3673010383	36CKT1	L 2 Th Thu Hà	03/07/1994				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
5	3673010054	36CKT1	Nguy n Th Thu Hà	30/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
6	3673011915	36CKT1	Phan Th Minh H ấ n	10/07/1994				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
7	3673011158	36CKT1	Nguy n Th H u	28/03/1994				9.0			9.0	2.7	0.0	0.0	2.7	
8	3673010016	36CKT1	Nguy n Trung H i u	10/09/1993				0.0			0.0	0.0	7.0	4.9	4.9	
9	3673010106	36CKT1	Nguy n Th y Ng c H i p	30/04/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
10	3673010063	36CKT1	ấ Th Hòa	27/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
11	3673011120	36CKT1	Cao Nguy n Qu c Huy	02/12/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
12	3673010287	36CKT1	Nguy n Th Kim H ng	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	3.5	2.5	2.5	
13	3673010300	36CKT1	Ph m Th B ấ ch Li u	27/01/1994				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
14	3673010333	36CKT1	ấ inh Th Thu ấ Linh	26/07/1994				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
15	3673010392	36CKT1	Nguy n Th Ng c Linh	15/11/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
16	3673010228	36CKT1	Nguy n Ph ng M K i u	16/05/1994				7.5			7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
17	3673011570	36CKT1	Ph m V ấ Nam	25/12/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
18	3673011182	36CKT1	ấ H ng Ng c	27/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
19	3673010281	36CKT1	L 2 Th Th o Nguyên	19/07/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311101 - K t ấ n th c ấ ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673011882	36CKT1	L ấ Di p H ấ ấ g Oanh	23/04/1994				6.5			6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
21	3673010299	36CKT1	Nguy n H u Ph ấ c	27/12/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
22	3673011970	36CKT1	Nguy n Th Ng c Ph ng	00/00/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
23	3673011162	36CKT1	Nguy n Th C m Ph ng	15/06/1994				9.0			9.0	2.7	3.0	2.1	4.8	
24	3573011826	36CKT1	H Nh Qu ấ y	31/12/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
25	3673010257	36CKT1	M Th Ti n	12/02/1992				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
26	3673010127	36CKT1	Huu nh V ấ Nh Tu n	11/12/1993				8.0			8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
27	3673010198	36CKT1	Nguy n Tr ng Thanh Tuy n	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3673012040	36CKT1	Nguy n Th Thanh	20/10/1994				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
29	3673011619	36CKT1	Nguy n Th Mai Th o	31/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
30	3673010261	36CKT1	Nguy n Th H ng Th m	27/04/1994				8.5			8.5	2.6	4.3	3.0	5.6	
31	3673010030	36CKT1	Ng ấ Th Anh Th	02/09/1994				7.5			7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
32	3673010331	36CKT1	V n Quang Th Kim Thuy	15/08/1993				9.0			9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	
33	3673011134	36CKT1	ấ u Th Thu	22/12/1994				8.5			8.5	2.6	3.0	2.1	4.7	
34	3673010059	36CKT1	Phan Th Ng c Tr ấ m	18/11/1994				9.0			9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
35	3673010210	36CKT1	T ấ Ng Ng c Tr ấ n	23/05/1994				6.0			6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
36	3673011135	36CKT1	Ph m T ng Vi	20/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP

T ñg s : 36 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa